

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM

HUYỆN CH
TỈNH GI

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 28/5/2024

V/v: "Hợp đồng vay vốn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc Lập - Tự do - Hạnh p

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH, TỈNH GI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức R.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn N và bà Phạm Thị T.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn S- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh D - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST - DS ngày 12/10/2023; về việc tranh chấp "Hợp đồng vay vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST - DS ngày 15/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17a/2024/QĐST - DS ngày 07/5/2024; giữa:

N đơn: N hàng chính sách xã hội; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu P - Phó Giám đốc Phòng giao dịch N hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Gi. Theo văn bản ủy quyền số: 96/NHCS-UQ ngày 01/10/2021; Địa chỉ: Số 163 đường Hùng V, thị trấn Phú Hòa, huyện Ch, tỉnh Gi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: bà Nguyễn Thị TT, sinh năm 1990; Địa chỉ: tổ dân phố 02, thị trấn Ialy, huyện Ch, tỉnh Gi (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ dân phố 02, thị trấn Ialy, huyện Ch, tỉnh Gi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2023, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Người đại diện theo ủy quyền của n đơn ông Phạm Hữu P trình bày: Căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình hộ cận nghèo ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Ialy, huyện Ch, tỉnh Gi; Phòng giao dịch N hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Gi đã giải n cho bà Nguyễn Thị TT số tiền

40.000.000 đồng theo khế ước 6600000709758345 lãi suất 7,92%/năm, đến hạn 16/3/2022. Tài sản bảo đảm tiền vay: các khoản cho vay không có tài sản bảo đảm (cho vay tín chấp theo danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân thị trấn Ialy và ủy thác qua Hội nông dân thị trấn Ialy, huyện Ch, tỉnh Gi), món vay đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Ialy, Hội nông dân xã, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và Cán bộ N hàng đôn đốc trả nợ nhiều lần nh bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả lãi cho N hàng; vì hộ bà T đã vi phạm các quy định trong giấy đề nghị vay vốn, vi phạm qui ước hoạt động của Tổ tiết kiệm vay vốn, vi phạm các điều khoản hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn; mặc dù được tổ chức - cán bộ phụ trách nhắc nhở nhiều lần, rồi thông báo b văn bản nh vẫn không thực hiện trả nợ N hàng. N hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu bà T và ông T ph trả nợ tạm t đến ngày 02/8/2023; Nợ gốc: 40.000.000 đồng, tổng nợ lãi 18.223.983 đồng; Tổng cộng là: 58.223.983 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Về án phí: yêu cầu giải quyết theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị TT và người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan ông Huỳnh Văn T trình bày: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn (bà T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan (ông T) theo đúng quy định của pháp luật, nh bà T ông T không lên làm việc, không có mặt. Vì vậy Tòa án ph đi xác minh và lập các thủ tục không tổng đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo pên hợp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... tại địa chỉ và nơi ở của bà T ông T; Ủy ban nhân dân thị trấn Ialy và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nh bà T ông T vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì b văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Tại pên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235; 238 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về pên hợp kiểm tra giao nộp, tiếp cận...và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của pên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung quan hệ Hợp đồng vay vốn là đúng; bà T vay tiền từ ngày 16/3/2017 số tiền gốc 40.000.000 đồng, t đến ngày 28/5/2024 nợ lãi 21.800.786 đồng; Tổng cộng là: 61.800.786 đồng bà T và ông T phl đới trả tiền cho N hàng chính sách xã hội là có cơ sở.

Về án phí: bà T và ông T phl đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 61.800.786 đồng x 5% = 3.090.000 đồng (đã làm tròn số).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng cho bị đơn (bà Nguyễn Thị TT) và người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan (ông Huỳnh Văn T) theo đúng quy định của pháp luật; nh bà T ông T không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản, tại pên tòa bà T ông T vắng mặt lần thứ nhất, nên ph hoãn pên tòa; mở pên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của n đơn, trong nội dung đơn Đại diện n đơn yêu cầu giải quyết đúng như nội dung đơn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; cụ thể buộc bị đơn trả số tiền 61.800.786 đồng.

Về án phí các đương sự yêu cầu giải quyết đúng theo quy định.

Căn cứ theo Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xem xét đơn xin xét xử vắng mặt đới với yêu cầu của đương sự.

[2] Về nội dung: bà Nguyễn Thị TT có ký kết vay vốn với N hàng chính sách xã hội theo khế ước số 6600000709758345 với số tiền gốc là 40.000.000 đồng, lãi suất 7,92%/năm, đến hạn 16/3/2022, mục đích vay để trồng và chăm sóc Cà phê; lãi suất và kỳ trả lãi theo thỏa tậ trong sổ vay vốn; nh đến hạn thì Tổ chức - Cán bộ phụ trách nhắc nhở nhiều lần, rồi Thông báo b văn bản nh bà T không trả; nên N hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông T phl đới trả tiền gốc và tiền lãi suất cho N hàng theo đúng quy định của pháp luật. Xét giao dịch dân sự giữa N hàng chính sách xã hội với bà T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên thỏa tậ ký cam kết theo khế ước số 6600000709758345 ngày 14/3/2017, Sổ vay vốn; Giấy ủy quyền và một số văn bản pháp lý khác theo đúng quy định, nên giao dịch trên có hiệu lực pháp luật.

Trong nội dung các văn bản pháp lý giữa các bên đã thỏa tậ rất cụ thể về phần trăm t lãi, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn đới với số tiền vay, nên n đơn đã t lãi theo thỏa tậ và thời gian t lãi là có cơ sở; Hội đồng xét xử căn cứ vào Khế ước, Sổ vay vốn và trên cơ sở bảng kê t lãi suất để làm căn cứ; buộc bà T và ông T phl đới trả tiền t từ ngày 16/3/2017 là 40.000.000 đồng tiền gốc; t đến ngày 28/5/2024 thì tổng số tiền là 61.800.786 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, lãi 21.800.786 đồng).

[3] Đối với bị đơn; bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2; Nh tại khế Ước số 6600000709758345 ngày 14/3/2017; Sổ vay vốn; Giấy ủy quyền; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án đề nghị vốn vay bà T đều cam đoan trước pháp luật trả khoản tiền gốc và lãi đối với khoản vay của N hàng như đã cam kết; Vì vậy Hội đồng xét xử, xét bị đơn ph trả theo yêu cầu của N đơn là có cơ sở.

[4] Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông Huỳnh Văn T đã ủy quyền cho bà T vay vốn của N hàng vào ngày 14/3/2017, các bên đều chịu trách nhiệm trước pháp luật được quy định tại mục III của văn bản ủy quyền, ông T và bà T cam kết trả khoản vay của N hàng theo thỏa thuận đồng thời xác nhận là vợ chồng trong Danh sách thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm lập sổ vay vốn; Như vậy N hàng yêu cầu ông T vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho N hàng là có căn cứ;

[5] Yêu cầu của N hàng đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với bị đơn ph có nghĩa vụ liên đới đối với khoản vay là đúng, như đã phân tích về quyền nghĩa vụ đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại văn bản ủy quyền và các văn bản pháp lý khác. Nếu sau này giữa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: bà T và ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của N đơn được chấp nhận là: $61.800.786 \text{ đồng} \times 5\% = 3.090.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235; 238 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N hàng chính sách xã hội - thông qua Phòng giao dịch N hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Gi.

Buộc: bà Nguyễn Thị TT và ông Huỳnh Văn T phải trả N hàng chính sách xã hội - thông qua Phòng giao dịch N hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Gi số tiền là 61.800.786 đồng (sáu một triệu, tám trăm ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng); “trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, lãi 21.800.786 đồng”.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng

thời kỳ của N hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay ph tiếp tục thanh toán cho N hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N hàng cho vay.

Về án phí buộc: bà Nguyễn Thị TT và ông Huỳnh Văn Tphl đới nộp 3.090.000 đồng (ba triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày tuyên án (28/5/2024) các đương sự (N hàng chính sách xã hội - thông qua Phòng giao dịch N hàng chính sách xã hội huyện Ch, tỉnh Gi; bà T và ông T) vắng mặt tại pên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gi xét xử P thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thoả tận Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thoả tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H ChưPăh;
- Chi cụcTHADS.H ChưPăh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pên tòa

Bùi Đức R